UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ DIÊN HÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025; DỰ KIẾN PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Trình tại kỳ họp thứ Hai, HĐND xã Diên Hà khóa I,
Nhiệm kỳ 2021- 2026



Diên Hà, tháng 8 năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ DIÊN HÀ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/NQ-HĐND	*Diên Hà, ngày 11 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Về Phê duyệt Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 xã Diên Hà

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ DIÊN HÀ
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã "Về việc Phê duyệt Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 xã Diên Hà" và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Phê duyệt Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 xã Diên Hà theo đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số: 08 /TTr-UBND, ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã. *(có Tờ trình kèm theo)*

Tổng nguồn vốn phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp xã là 169 tỷ 510 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ dự kiến bố trí cho 09 dự án, số tiền là: 21 tỷ 946 triệu đồng;

2. Nguồn vốn ngân sách xã (từ đấu giá quyền sử dụng đất) dự kiến bố trí cho 98 dự án, số tiền là: 122 tỷ 512 triệu đồng;

3. Nguồn vốn ngân sách xã, (từ nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác) dự kiến bố trí cho 18 dự án, số tiền là: 25 tỷ 052 triệu đồng;

Điều 2. Giao Thường trực HĐND xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu HĐND xã giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Dương

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ DIÊN HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/TTr-UBND	*Diên Hà, ngày 05 tháng 8 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Phê duyệt Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 xã Diên Hà

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025

Căn cứ Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã khoá I, ngày 26/7/2025;

Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của 03 xã trước khi hợp nhất, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng năm 2025 và số thu tiền sử dụng đất còn lại đến 30/6/2025 của các địa phương, Uỷ ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp xã là 125 công trình với tổng số tiền là 169.510.833.000 đồng. Trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ dự kiến bố trí cho 09 dự án, số tiền là: 21.946.200.000 đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 05 công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 5.933.200.000 đồng, chiếm 27% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 01 công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 1.063.000.000 đồng, chiếm 4,9% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

- Bố trí cho 01 dự án đang triển khai thực hiện dự kiến: 2.550.000.000 đồng, chiếm 11,6% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

- Bố trí vốn cho 03 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 12.400.000.000 đồng, chiếm 56,5% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

2. Nguồn vốn ngân sách xã (từ đấu giá quyền sử dụng đất) dự kiến bố trí cho 98 dự án, số tiền là: 122.512.000.000 đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 81 dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán dự kiến là: 43.238.240.047 triệu đồng, chiếm 35,3% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí cho 05 dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 4.514.699.000 đồng, chiếm 3,7% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí cho 03 dự án đang triển khai thực hiện dự kiến: 16.371.631.000 đồng, chiếm 13,4% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí vốn cho 10 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 58.387.429.953 đồng, chiếm 47,6% tổng số thu tiền sử dụng đất.

3. Nguồn vốn ngân sách xã, (từ nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác) dự kiến bố trí cho 18 dự án, số tiền là: 25.052.633.000 đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 09 dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán dự kiến là: 6.241.179.000 đồng, chiếm 25% tổng số vốn.

- Bố trí cho 03 dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 4.869.900.000 đồng, chiếm 19,4% tổng số vốn.

- Bố trí vốn cho 6 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 13.941.554.000 đồng, chiếm 55,6% tổng số vốn.

(Có biểu số 01 chi tiết kèm theo)

Uỷ ban nhân dân xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

***Nơi nhận*:**
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng Ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Thường trực Ủy ban nhân dân;
- Đại biểu HĐND xã khoá I;
- Phòng ban liên quan;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Viết Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DIÊN HÀ

Biểu số 01

BIỂU PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên danh mục	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
		Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
				Tổng số	Trong đó:	
					Tiền đất	Nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác
	Tổng cộng	**169.510.833.000**	**21.946.200.000**	**147.564.633.000**	**122.512.000.000**	**25.052.633.000**
A	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**55.412.619.047**	**5.933.200.000**	**49.479.419.047**	**43.238.240.047**	**6.241.179.000**
*	**Xã Duyên Hải cũ**	**6.131.246.000**	**1.350.000.000**	**4.781.246.000**	**3.935.285.000**	**845.961.000**
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Văn Quan - Bùi Tiến; Hạng mục: Đường giao thông + rãnh thoát nước	14.803.000		14.803.000	14.803.000	-
2	Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Minh	27.938.000	-	27.938.000	27.938.000	-
3	Cải tạo hạ tầng khu trung tâm xã	31.338.000	-	31.338.000	31.338.000	-
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Bùi Minh (10 tấn)	9.739.000	-	9.739.000	9.739.000	-
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Khả Tân, Khả Tiến (mới)	399.110.000	-	399.110.000	399.110.000	-
6	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Tiến -Văn Quan	142.038.000	-	142.038.000	142.038.000	-
7	Giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư Văn Quan, Bùi Tiến	1.195.657.000	-	1.195.657.000	1.195.657.000	-
8	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư mới	476.526.000	-	476.526.000	476.526.000	-
9	Lập điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm xã	54.080.000	-	54.080.000	54.080.000	-
10	Xây dựng rãnh thoát nước và đường điện khu dân cư mới thôn Bùi Tiến - Văn Quan, xã Duyên Hải	179.258.000	-	179.258.000	179.258.000	-
11	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư Bùi Minh	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-
12	Xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở xã Duyên Hải.	183.023.000	-	183.023.000	117.629.000	65.394.000
13	Đường GTNT trục thôn xã Duyên Hải. Hạng mục: Đường Từ Giáp Ông Cương Thôn Bùi Việt Đến ĐH60; Bổ Sung Rãnh Thoát Nước Cụm Làng Khả	257.593.000	-	257.593.000	-	257.593.000
14	Nhà Văn hóa thôn Bùi Việt	881.000.000	-	881.000.000	778.349.000	102.651.000
15	Các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc UBND xã Duyên Hải (Sân bê tông, nền lán xe)	164.500.000	-	164.500.000	-	164.500.000
16	Lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Duyên Hải huyện Hưng Hà	255.823.000	-	255.823.000		255.823.000
17	Hạ tầng đồng ruộng phát triển sản xuất cánh đồng lớn; Hạng mục: Đường giao thông nội đồng từ đường trục thôn Văn Quan đến địa phận xã Văn Cẩm	187.820.000	-	187.820.000	187.820.000	-
18	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025	1.350.000.000	1.350.000.000	-		
19	Công trình Hỗ trợ bê tông hóa ngõ xóm, hộ gia đình, gia đình và làm máng thoát nước phục vụ chỉnh trang khu dân cư thôn Khả Tiến	281.000.000	-	281.000.000	281.000.000	-
*	**Xã Văn Cẩm cũ**	**17.005.859.047**	**0**	**17.005.859.047**	**15.663.641.047**	**1.342.218.000**
1	Đường trục thôn Ngọc Liễn từ đập điều tiết đi bờ sông Đông Hưng	14.740.524	-	14.740.524	14.740.524	
2	Đường nhánh cấp 1, từ Miếu đi ông Tới thôn Ngọc Liễn	50.048.000	-	50.048.000	50.048.000	
3	Đường giao thông trục chính thôn Truy Đình; Hạng mục: Rãnh thoát nước	111.668.000	-	111.668.000	111.668.000	
4	Rãnh thoát nước đường giao thông trục thôn Gia Lạp	55.568.000	-	55.568.000	55.568.000	
5	Giao thông nội đồng xã Văn Cẩm	311.974.000	-	311.974.000	311.974.000	
6	Đường giao thông nội đồng trục chính Văn Cẩm - Duyên Hải	64.700.000	-	64.700.000	64.700.000	
7	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	777.268.000	-	777.268.000	777.268.000	
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn, xã Văn Cẩm, đường từ ông Yên đi bà Hồi, bà Điều đi ông Thinh, ông Phê đến ông Lý và ông Phiên đến bà Điều	1.091.169.000	-	1.091.169.000	1.091.169.000	
9	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường từ bà Điều đến ông Chủ và ông Tiêu đến ông Cương	744.979.000	-	744.979.000	744.979.000	
10	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường ông Liệu đến cô Nơi, bà Lai đến ông Trắc, ông Miếu đến ông Lương	108.050.000	-	108.050.000	108.050.000	
11	Đường giao thông, cống rãnh thoát nước, xây kè bờ ao; Hạng mục: Đường trục chính và đường vành đai	419.707.000	-	419.707.000	419.707.000	
12	Đường giao thông trục thôn Truy Đình	577.709.000	-	577.709.000	577.709.000	
13	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường từ ông Chuyện đến sân bóng, từ ông Thỏa đến ông Thịnh, ông Hiếu đến ông Cân	1.083.005.000	-	1.083.005.000	1.083.005.000	
14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	177.318.000	-	177.318.000	177.318.000	
15	Đường nhánh cấp 1 thôn Truy Đình, từ ông Thuấn đến ông Vui	58.182.000	-	58.182.000	58.182.000	
16	Đường nhánh cấp 1 thôn, từ ông Nhiệm đi ông Kiều, Thôn Trần Xá	33.239.000	-	33.239.000	33.239.000	
17	Xây dựng khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác xã Văn Cẩm: Hạng mục: Xây nhà xử lý rác và hạng mục: Lò đốt rác và nhà điều hành	692.899.713	-	692.899.713	692.899.713	
18	Hội trường - Nhà văn hóa xã Văn Cẩm	895.482.810	-	895.482.810	895.482.810	
19	Trường THCS Kỳ Đồng; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	1.205.193.000	-	1.205.193.000	1.205.193.000	
20	Đường nội đồng từ mả san đi đồng cuốc - ông sử đi sông La	367.000.000	-	367.000.000	367.000.000	
21	Xây dựng đường giao thông nội đồng xã Văn Cẩm	1.177.111.000	-	1.177.111.000	1.177.111.000	
22	Nâng cấp, cải tạo trụ sở HĐND - UBND xã	52.051.000	-	52.051.000	52.051.000	
23	Dịch chuyển trạm biến áp thôn Trần Xá- xã Văn Cẩm	14.356.000	-	14.356.000	14.356.000	
24	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh UBND xã	300.785.000	-	300.785.000	300.785.000	
25	Hạ tầng khu dân cư Thôn Ngọc Liễn (Cánh Nội)	4.197.891.000	-	4.197.891.000	4.197.891.000	
26	Cải tạo, nâng cấp sân bê tông và rãnh thoát nước UBND xã	121.135.000	-	121.135.000	121.135.000	
27	Tu sửa 2 phòng học trường Tiểu học và THCS Kỳ Đồng	123.515.000	-	123.515.000	123.515.000	
28	Xây dựng đường điện cấp điện cho lò đốt rác thải sinh hoạt	340.602.000	-	340.602.000	340.602.000	
29	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án đầu tư tuyến đường ĐH.60 đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	589.396.000	-	589.396.000	-	589.396.000

STT	Tên danh mục	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
		Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
				Tổng số	Trong đó:	
					Tiền đất	Nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác
30	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu đồng Cánh Nội, xã Văn Cẩm	752.822.000	-	752.822.000	-	752.822.000
31	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (Đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)	496.295.000	-	496.295.000	496.295.000	
*	**Xã Điệp Nông cũ**	**3.868.010.000**	**2.892.000.000**	**976.010.000**	**976.010.000**	**0**
1	Trường tiểu học xã Điệp Nông (HM 6 lớp học khu A; 4 lớp học khu B)	126.010.000	-	126.010.000	126.010.000	
2	Nhà vệ sinh trường mầm non (2 khu) xã Điệp Nông huyện Hưng Hà	76.000.000	-	76.000.000	76.000.000	
3	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	
4	Hạ tầng giao thông vùng sản xuất tập trung quy mô lớn xã Điệp Nông	701.000.000	42.000.000	659.000.000	659.000.000	
5	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà dột nát	2.850.000.000	2.850.000.000	-	-	
*	**Xã Hùng Dũng cũ**	**1.225.600.000**	**1.072.600.000**	**153.000.000**	**0**	**153.000.000**
1	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	153.000.000	-	153.000.000		153.000.000
2	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hùng Dũng	-	-	-	-	
3	Xây dựng kênh cấp 2 thôn nhân phú	1.072.600.000	1.072.600.000	-	-	
4	Công trình xây dựng cống Bản qua khu nghĩa trang nhân dân thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng	-	-	-		
5	Công trình xây dựng cầu Hà Lý qua sông Việt Yên xã Hùng Dũng - PDQT T10/2024	-		-		
6	Công trình cầu Nhân Phú từ ĐH.60 qua sông Việt Yên đi đường vành V xã Hùng Dũng	-		-		
7	Phụ trợ UBND xã	-		-		
*	**Xã Dân Chủ cũ**	**27.181.904.000**	**618.600.000**	**26.563.304.000**	**22.663.304.000**	**3.900.000.000**
1	Đường GTNĐ trục chính tuyến từ cống Tổng - Nghĩa trang thôn Bái - máng nghĩa trang	36.000.000	-	36.000.000	36.000.000	
2	Trường mầm non trung tâm xã Dân Chủ (HM: Nhà học 2 tầng 10 phòng)	98.000.000	-	98.000.000	98.000.000	
3	Đường phía đông sông 224 từ trạm bơm số 1 đến ngã tư Vang	292.000.000	-	292.000.000	292.000.000	
4	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến máng xây đồng Gỗ - cuối lỗ	138.000.000	-	138.000.000	138.000.000	
5	Kênh cấp1 loại 3 tuyến máng xây Lá cờ - Trạm bơm ông Nhiên	71.000.000	-	71.000.000	71.000.000	
6	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến Trạm bơm - ông Hiếm - ba Nổ	199.000.000	-	199.000.000	199.000.000	
7	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm Đồng Bông - bãi rác Đồng Bông	103.000.000	-	103.000.000	103.000.000	
8	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm - ngã tư vang	156.000.000	-	156.000.000	156.000.000	
9	Xây dựng GTTL nội đồng	191.000.000	-	191.000.000	191.000.000	
10	Đường GTNT tuyến Ông Thu - Ông Lập	10.000.000	-	10.000.000	10.000.000	
11	Đường GTNT tuyến Ông Kết - bãi rác	91.000.000	-	91.000.000	91.000.000	
12	Đường bê tông GT nội đồng tuyến nghĩa trang Đan Hội - TB ông Nhiên	88.000.000	-	88.000.000	88.000.000	
13	Đường GT nội đồng tuyến ông Trường - cây Chanh	34.000.000	-	34.000.000	34.000.000	
14	Đường GTNĐ tuyến Trạm bơm - bãi rác đồng Bông	191.000.000	-	191.000.000	191.000.000	
15	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM: san lấp trũng, hệ thống rãnh thoát nước)	24.000.000	-	24.000.000	24.000.000	
16	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM:Cổng và hàng rào bao quanh sân thể thao)	19.000.000	-	19.000.000	19.000.000	
17	Nhà văn hóa xã Dân Chủ	81.000.000	-	81.000.000	81.000.000	
18	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: nhà quản lý, cầu vào bãi rác, tường rào)	64.000.000	-	64.000.000	64.000.000	
19	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: san nền, đường, sân, rãnh thoát nước, nhà phân loại rác, tường rào) + Lò đốt rác thải sinh hoạt	33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	
20	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Hội	26.000.000	-	26.000.000	26.000.000	
21	Xây dựng trường Tiểu học, THCS	4.137.000.000	-	4.137.000.000	4.137.000.000	
22	Trường TH&THCS Dân Chủ, HM nhà hiệu bộ	2.378.000.000	-	2.378.000.000	2.378.000.000	
23	XD nhà hiệu bộ trường mầm non TT xã	2.638.704.000	-	2.638.704.000	2.638.704.000	
24	XD trụ sở hành chính xã Dân Chủ	7.943.600.000	618.600.000	7.325.000.000	7.325.000.000	
25	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung xã Dân Chủ	4.231.000.000	-	4.231.000.000	331.000.000	3.900.000.000
26	Công trình Cải tạo nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Dân Chủ huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	1.724.600.000	-	1.724.600.000	1.724.600.000	
27	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Hà Tiến	2.067.000.000	-	2.067.000.000	2.067.000.000	
28	Xây dựng hạ tầng KDC trung tâm xã	47.000.000	-	47.000.000	47.000.000	
29	Hạ tầng kỹ thuật KDC trung tâm xã (HM: dịch chuyển đường điện)	11.000.000	-	11.000.000	11.000.000	
30	GPMB xây dựng hạ tầng KDC trung tâm	16.000.000	-	16.000.000	16.000.000	
31	Trụ sở UBND xã Dân Chủ (HM: sân bê tông, cổng và hàng rào bao quanh UB)	22.000.000	-	22.000.000	22.000.000	
32	Xây dựng hạ tầng KDC thôn Đình (khu 2)	12.000.000	-	12.000.000	12.000.000	
33	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	9.000.000	-	9.000.000	9.000.000	
B	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**10.447.599.000**	**1.063.000.000**	**9.384.599.000**	**4.514.699.000**	**4.869.900.000**
*	**Xã Duyên Hải cũ**					
1	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND -UBND xã	4.132.000.000	-	4.132.000.000	3.600.500.000	531.500.000
*	**Xã Văn Cẩm cũ**					
1	Sân vận động xã Văn Cẩm	713.799.000	-	713.799.000	713.799.000	
*	**Xã Điệp Nông cũ**					
1	Xây dựng giao thông nội đồng thôn Ngũ Đông	1.173.000.000	1.063.000.000	110.000.000	110.000.000	-
*	**Xã Dân Chủ cũ**					
1	Đường giao thông đường đá - cống đông	81.400.000		81.400.000	81.400.000	
2	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	9.000.000		9.000.000	9.000.000	
3	GPMB dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ĐT 452 qua xã Dân Chủ	3.362.000.000	-	3.362.000.000	-	3.362.000.000
4	GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường DH 60 đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân chủ	976.400.000	-	976.400.000	-	976.400.000
C	**Dự án đang triển khai thực hiện**	**18.921.631.000**	**2.550.000.000**	**16.371.631.000**	**16.371.631.000**	**0**
*	**Xã Duyên Hải cũ**					
1	Đền bù giải phóng mặt bằng khu trung tâm xã Duyên Hải	1.100.000.000		1.100.000.000	1.100.000.000	-
2	Hạ tầng điểm dân cư thôn Khả Tiến xã Duyên Hải	14.500.000.000	-	14.500.000.000	14.500.000.000	-
3	Công trình xây dựng hạ tầng sản xuất tập trung xã Duyên Hải	3.321.631.000	2.550.000.000	771.631.000	771.631.000	-
D	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**84.728.983.953**	**12.400.000.000**	**72.328.983.953**	**58.387.429.953**	**13.941.554.000**

STT	Tên danh mục	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
		Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
				Tổng số	Trong đó:	
					Tiền đất	Nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác
1	Tường bao, cổng dậu khu trung tâm xã	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-
2	Công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã, trung tâm hành chính công xã Diên Hà	999.000.000	-	999.000.000	-	999.000.000
3	Nạo vét Kênh Văn Cẩm	861.165.000	-	861.165.000		861.165.000
4	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã từ ĐT.452 đến dốc ông Bây	10.119.100.000	-	10.119.100.000		10.119.100.000
5	Tuyến đường trục xã theo quy hoạch mới tại thôn Bùi Minh - Duyên Hải	3.900.000.000		3.900.000.000	3.900.000.000	
6	Xây dựng các phòng học, phòng chức năng, nhà đa năng, phòng hiệu bộ, phòng ăn bán trú và các công trình phụ trợ cho giáo dục khác củaTrường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mầm non Duyên Hải	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	
7	Xây mới trạm y tế Duyên Hải	3.800.000.000		3.800.000.000	3.800.000.000	
8	Xây mới 2 nhà văn hóa của 2 thôn: thôn Văn Quan và thôn Khả Đông- Duyên Hải	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000	
9	Xây dựng các tuyến đường GT nội đồng Duyên Hải.	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
10	Cải tạo chợ Khả thôn Khả Tân - Duyên Hải	3.887.429.953		3.887.429.953	3.887.429.953	
11	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống rãnh thoát nước đường trục thôn qua khu dân cư có nắp đạy chịu lực, đảm bảo vệ sinh môi trường Duyên Hải	3.800.000.000		3.800.000.000	3.800.000.000	
12	Nâng cấp cải tạo một số tuyến đường trục xã, trục thôn, nhánh trục thôn Duyên Hải	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
13	Xây dựng trường Trung học, tiểu học Kỳ Đồng Văn Cẩm	5.000.000.000	5.000.000.000			
14	Công trình: Nâng cấp cải tạo tuyến đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.452 đi đê Hữu Lộc xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà (Đoạn từ xã Dân Chủ đến đường ĐH. 60)	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
15	Công trình: Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	2.400.000.000	2.400.000.000	-		
16	Công trình: Cải tạo trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Diên Hà	1.100.000.000	-	1.100.000.000		1.100.000.000
17	Công trình: Sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải Hùng Dũng xã Diên Hà	512.289.000	-	512.289.000		512.289.000
18	Công trình: Cải tạo trụ sở làm việc Công an xã Diên Hà	350.000.000	-	350.000.000		350.000.000

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ DIÊN HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /BC-UBND	*Diên Hà, ngày 05 tháng 8 năm 2025*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm; Dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025

I. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân của 03 xã trước hợp nhất (Duyên Hải, Văn Cẩm và Quang Trung) về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách xã năm 2025. Sáu tháng đầu năm 2025, các xã đã triển khai nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt từ khâu huy động nguồn vốn; thực hiện các quy trình đầu tư đến việc thanh toán vốn đầu tư, cơ bản đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch, dự toán năm, đáp ứng một phần nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Kết quả thực hiện (Có biểu số 01 chi tiết kèm theo)

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân bổ năm 2025 của 03 xã trước sáp nhập là: 108.030 triệu đồng; số đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 42.588 triệu đồng, đạt 39,42% kế hoạch. Cụ thể như sau:

1.1. Xã Duyên Hải

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân bổ năm 2025 là: 40.183 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 11.410 triệu đồng, đạt 28,4% kế hoạch, cụ thể:

a- Nguồn vốn do ngân sách cấp trên hỗ trợ:

- Kế hoạch vốn là 8.900 triệu đồng.

- Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 7.064 triệu đồng, đạt 79,3% kế hoạch.

b- Nguồn đầu tư thuộc ngân sách xã, nguồn khác:

- Nguồn ngân sách và nguồn khác

+ Kế hoạch vốn là 2.376 triệu đồng.*(Trong đó: nguồn khác là: 864 triệu đồng);*

+ Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 2.221 triệu đồng, đạt 93,4% kế hoạch. *.(Trong đó: nguồn khác là: 864 triệu đồng);*

- Nguồn đầu tư thuộc tiền đất:

+ Kế hoạch vốn là 28.907 triệu đồng.

+ Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 2.125 triệu đồng, đạt 7,35% kế hoạch

1.2. Xã Văn Cẩm

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân bổ năm 2025 là: 18.580 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 2.161 triệu đồng, đạt 11,63% kế hoạch, cụ thể:

a- Nguồn vốn do ngân sách cấp trên hỗ trợ: Không có.

b- Nguồn đầu tư thuộc ngân sách xã:

- Nguồn ngân sách và nguồn khác

+ Kế hoạch vốn là 2.203 triệu đồng

+ Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 2.161 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch

- Nguồn đầu tư thuộc tiền đất:

+ Kế hoạch vốn là 16.337 triệu đồng.

+ Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 0 triệu đồng

1.3. Xã Quang Trung

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân bổ năm 2025 là: 49.265 triệu đồng; số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 29.016 triệu đồng, đạt 58,9% kế hoạch, cụ thể:

a- Nguồn vốn do ngân sách cấp trên hỗ trợ:

- Kế hoạch vốn là 2.796 triệu đồng.

- Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 2.796 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch

b- Nguồn đầu tư thuộc ngân sách xã:

- Kế hoạch vốn là 46.469 triệu đồng (Trong đó: Tiền sử dụng đất là: 6.925 triệu đồng);

- Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 26.219 triệu đồng, đạt 56,4% kế hoạch

2. Kết quả thanh toán nợ xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2025:

- Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản đầu kỳ (thời điểm 31/01/2025) là: 44.495 triệu đồng. Trong đó: (Duyên Hải : 6.204 triệu đồng, Văn Cẩm: 17.719 triệu đồng, Quang Trung: 20.572 triệu đồng)

- Tổng số nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025 (theo số bàn giao) là: 54.924 triệu đồng. Trong đó: (Duyên Hải: 15.497 triệu đồng, Văn Cẩm: 16.419 triệu đồng, Quang Trung: 22.378 triệu đồng)

- Số nợ xây dựng cơ bản tăng so với đầu kỳ là: 10.429 triệu đồng.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân các xã trước hợp nhất đã triển khai lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. Công khai các nguồn vốn, nguyên tắc và phương án phân bổ vốn đầu tư công; trình Hội đồng nhân dân xã thảo luận, nhất trí thông qua để Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định phân bổ vốn đầu tư công năm 2025.

- UBND các xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Nông nghiệp và Môi Trường và các phòng liên quan của huyện để rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,

xây dựng kế hoạch tạo nguồn để tổ chức đấu giá đất tạo nguồn vốn thanh toán nợ XDCB năm 2025.

- Công tác quyết toán Dự án hoàn thành được các xã quan tâm thực hiện; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán để thanh, quyết toán vốn và hoàn thiện hồ sơ phục vụ công tác bàn giao về xã mới.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Tiến độ thực hiện Kế hoạch tạo nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở một số địa phương chậm, thiếu chủ động trong việc quy hoạch, kế hoạch, giải phóng mặt bằng....để khai thác nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất; Công tác phối hợp giữa các địa phương với các phòng, ngành của UBND huyện trước đây và với các sở, ngành của tỉnh trong công tác tạo nguồn thu từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất có lúc, có nơi còn rời rạc, mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ đấu giá các khu dân cư theo Kế hoạch được duyệt.

- Nợ xây dựng cơ bản của ngân sách xã Hùng Dũng cũ còn 7.219 triệu đồng, hiện đến nay, xã chưa xây dựng được phương án xử lý dứt điểm số nợ xây dựng cơ bản trên.

II. Dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Có biểu số 02 chi tiết kèm theo)

Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của 03 xã trước khi hợp nhất, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng năm 2025 và số thu tiền sử dụng đất còn lại đến 30/6/2025 của các địa phương, Uỷ ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

1. Khả năng nguồn vốn đầu tư công năm 2025

Nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân xã phân bổ: 169.510 triệu đồng. gồm:

- Vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ : 21.946 triệu đồng;
- Vốn ngân sách xã: 147.564 triệu đồng;

Trong đó: Vốn thu tiền sử dụng đất được hưởng theo phân cấp dự kiến: 122.512 triệu đồng; Nguồn ngân sách, nguồn khác là 25.052 triệu đồng.

2. Dự kiến phương án phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp xã năm 2025 *(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)*

Tổng nguồn vốn phân bổ vốn đầu tư công ngân sách cấp xã là 169.510 triệu đồng, trong đó:

2.1. Nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ dự kiến bố trí cho 09 dự án, số tiền là: 21.946 triệu đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 05 công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 5.933 triệu đồng, chiếm 27,02% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

- Bố trí cho 02 dự án đang triển khai thực hiện dự kiến: 8.613 triệu đồng, chiếm 39,24% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

- Bố trí vốn cho 02 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 7.400 triệu đồng, chiếm 33,7% tổng vốn cấp trên hỗ trợ.

2.2. Nguồn vốn ngân sách xã (từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất) dự kiến bố trí cho 98 dự án, số tiền là: 122.512 triệu đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 81 dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán dự kiến là: 43.239 triệu đồng, chiếm 35,3% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí cho 04 dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 4.515 triệu đồng, chiếm 3,7% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí cho 04 dự án đang triển khai thực hiện dự kiến: 21.371 triệu đồng, chiếm 17,4% tổng số thu tiền sử dụng đất.

- Bố trí vốn cho 09 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 53.387 triệu đồng, chiếm 43,6% tổng số thu tiền sử dụng đất.

2.3.Nguồn vốn ngân sách xã, (từ nguồn cân đối ngân sách, nguồn khác) dự kiến bố trí cho 18 dự án, số tiền là: 25.052 triệu đồng; cụ thể:

- Bố trí vốn để xử lý nợ XDCB của 09 dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán dự kiến là: 6.241 triệu đồng, chiếm 25% tổng số vốn.

- Bố trí cho 04 dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán, dự kiến là: 5.869 triệu đồng, chiếm 23, % tổng số vốn.

- Bố trí vốn cho 5 dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến: 12.942 triệu đồng, chiếm 51,6% tổng số vốn.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công đã giao. Tiếp tục rà soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo quyết toán và quyết toán dự án hoàn thành đối với các công trình hoàn thành theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương án xử lý dứt điểm nợ xây dựng cơ bản, tập trung rà soát các quỹ đất trên địa bàn để triển khai thực hiện các dự án quy hoạch đất ở dân cư, để tạo nguồn thanh toán nợ xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển.

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư việc thực hiện và tiến độ giải ngân các nguồn vốn, kịp thời ngăn chặn và kiên quyết xử lý những sai phạm trong đầu tư xây dựng cơ bản ngay từ khi mới phát sinh. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn cho các chủ đầu tư, đơn vị thi công trong triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

- Tiếp tục đổi mới công tác lập, theo dõi, đánh giá kế hoạch đầu tư công, trong đó áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý dự án đầu tư công; đánh giá hoạt động đấu thầu qua mạng để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đấu thầu qua mạng trên địa bàn xã.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 để trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các Văn bản có liên quan.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm; Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025. Uỷ ban nhân dân xã Diên Hà trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận*:**
- TT. Đảng ủy, HĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Phòng, ngành liên quan;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Viết Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DIỄN HÀ

Biểu số 02

BIỂU DỰ KIẾN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 226 BC-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Tổng cộng	**437.513.231.363**	**54.294.826.047**	**172.646.453.000**	**169.510.833.000**	**21.946.200.000**	**147.564.633.000**	**122.512.000.000**	**25.052.633.000**
I	**Xã Duyên Hải cũ**	**140.051.905.827**	**15.497.213.000**	**77.022.962.000**	**91.571.306.953**	**8.900.000.000**	**82.671.306.953**	**80.294.845.953**	**2.376.461.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**26.483.274.827**	**3.962.454.000**	**0**	**4.781.246.000**	**0**	**4.781.246.000**	**3.935.285.000**	**845.961.000**
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Văn Quan - Bùi Tiến; Hạng mục: Đường giao thông + rãnh thoát nước	818.566.000	14.803.000		14.803.000	-	14.803.000	14.803.000	-
	Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Minh	2.695.000.000	27.938.000		27.938.000	-	27.938.000	27.938.000	-
	Cải tạo hạ tầng khu trung tâm xã	2.458.938.000	31.338.000		31.338.000	-	31.338.000	31.338.000	-
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Bùi Minh (10 tấn)	638.603.000	9.739.000		9.739.000	-	9.739.000	9.739.000	-
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Khả Tân, Khả Tiến (mới)	2.569.033.000	399.110.000		399.110.000	-	399.110.000	399.110.000	-
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Tiến -Văn Quan	6.686.857.000	142.038.000		142.038.000	-	142.038.000	142.038.000	-
	Giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư Văn Quan, Bùi Tiến	2.529.878.827	1.195.657.000		1.195.657.000	-	1.195.657.000	1.195.657.000	-
	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư mới	3.444.000.000	476.526.000		476.526.000	-	476.526.000	476.526.000	-
	Lập điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm xã	331.031.000	54.080.000		54.080.000	-	54.080.000	54.080.000	-
	Xây dựng rãnh thoát nước và đường điện khu dân cư mới thôn Bùi Tiến - Văn Quan, xã Duyên Hải	1.208.314.000	179.258.000		179.258.000	-	179.258.000	179.258.000	-
	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư Bùi Minh	40.000.000	40.000.000		40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-
	Xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở xã Duyên Hải.	716.000.000	117.629.000		183.023.000	-	183.023.000	117.629.000	65.394.000
	Đường GTNT trục thôn xã Duyên Hải. Hạng mục: Đường Từ Giáp Ông Cương Thôn Bùi Việt Đến ĐH60; Bổ Sung Rãnh Thoát Nước Cụm Làng Khả	257.593.000	0		257.593.000	-	257.593.000	-	257.593.000
	Nhà Văn hóa thôn Bùi Việt	881.500.000	778.349.000		881.000.000	-	881.000.000	778.349.000	102.651.000
	Các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc UBND xã Duyên Hải (Sân bê tông, nền lán xe)	179.000.000	0		164.500.000	-	164.500.000	-	164.500.000
	Lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Duyên Hải huyện Hưng Hà	302.261.000	27.169.000		255.823.000	-	255.823.000		255.823.000
	Hạ tầng đồng ruộng phát triển sản xuất cánh đồng lớn; Hạng mục: Đường giao thông nội đồng từ đường trục thôn Văn Quan đến địa phận xã Văn Cẩm	445.700.000	187.820.000		187.820.000	-	187.820.000	187.820.000	-
	Công trình Hỗ trợ bê tông hóa ngõ xóm, hộ gia đình, gia đình và làm mảng thoát nước phục vụ chỉnh trang khu dân cư thôn Khả Tiến	281.000.000	281.000.000		281.000.000	-	281.000.000	281.000.000	-

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**14.999.000.000**	**1.743.028.000**	**0**	**4.132.000.000**	**0**	**4.132.000.000**	**3.600.500.000**	**531.500.000**
	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND -UBND xã	14.999.000.000	1.743.028.000		4.132.000.000	-	4.132.000.000	3.600.500.000	531.500.000
3	**Dự án đang triển khai thực hiện**	**33.569.631.000**	**9.791.731.000**	**12.022.962.000**	**31.270.631.000**	**8.900.000.000**	**22.370.631.000**	**21.371.631.000**	**999.000.000**
	Đền bù giải phóng mặt bằng khu trung tâm xã Duyên Hải	1.100.000.000		1.100.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000	1.100.000.000	-
	Tường bao, cổng dậu khu trung tâm xã	10.500.000.000	183.143.000	6.383.143.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-
	Hạ tầng điểm dân cư thôn Khả Tiến xã Duyên Hải	14.999.000.000	9.059.298.000	3.315.702.000	14.500.000.000	-	14.500.000.000	14.500.000.000	-
	Công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã, trung tâm hành chính công xã Diên Hà	999.000.000	96.804.000		999.000.000	-	999.000.000	-	999.000.000
	hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025	1.350.000.000			1.350.000.000	1.350.000.000	-		
	Công trình xây dựng hạ tầng sản xuất tập trung xã Duyên Hải	4.621.631.000	452.486.000	1.224.117.000	3.321.631.000	2.550.000.000	771.631.000	771.631.000	-
4	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**65.000.000.000**	**0**	**65.000.000.000**	**51.387.429.953**	**0**	**51.387.429.953**	**51.387.429.953**	**0**
	Tuyến đường trục xã theo quy hoạch mới tại thôn Bùi Minh - Duyên Hải	5.000.000.000		5.000.000.000	3.900.000.000		3.900.000.000	3.900.000.000	
	Xây dựng các phòng học, phòng chức năng, nhà đa năng, phòng hiệu bộ, phòng ăn bán trú và các công trình phụ trợ cho giáo dục khác củaTrường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mầm non Duyên Hải	19.000.000.000		19.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	
	Xây mới trạm y tế Duyên Hải	5.000.000.000		5.000.000.000	3.800.000.000		3.800.000.000	3.800.000.000	
	Xây mới 2 nhà văn hóa của 2 thôn: thôn Văn Quan và thôn Khả Đông	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000	
	Xây dựng các tuyến đường GT nội đồng Duyên Hải.	10.000.000.000		10.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
	Cải tạo chợ Khả thôn Khả Tân - Duyên Hải	5.000.000.000		5.000.000.000	3.887.429.953		3.887.429.953	3.887.429.953	
	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống rãnh thoát nước đường trục thôn qua khu dân cư có nắp đạy chịu lực, đảm bảo vệ sinh môi trường Duyên Hải	8.000.000.000		8.000.000.000	3.800.000.000		3.800.000.000	3.800.000.000	
	Nâng cấp cải tạo một số tuyến đường trục xã, trục thôn, nhánh trục thôn Duyên Hải	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
II	**Xã Văn Cẩm cũ**	**79.305.698.536**	**16.419.392.047**	**37.000.000.000**	**23.580.823.047**	**5.000.000.000**	**18.580.823.047**	**16.377.440.047**	**2.203.383.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**39.539.885.536**	**15.663.641.047**	**0**	**17.005.859.047**	**0**	**17.005.859.047**	**15.663.641.047**	**1.342.218.000**
*	Đường trục thôn Ngọc Liễn từ đập điều tiết đi bờ sông Đông Hưng	372.782.700	14.740.524		14.740.524	-	14.740.524	14.740.524	
	Đường nhánh cấp 1, từ Miếu đi ông Tới thôn Ngọc Liễn	65.177.000	50.048.000		50.048.000	-	50.048.000	50.048.000	
	Đường giao thông trục chính thôn Truy Đình; Hạng mục: Rãnh thoát nước	518.362.000	111.668.000		111.668.000	-	111.668.000	111.668.000	
	Rãnh thoát nước đường giao thông trục thôn Gia Lạp	920.568.000	55.568.000		55.568.000	-	55.568.000	55.568.000	

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Giao thông nội đồng xã Văn Cẩm	2.066.180.000	311.974.000		311.974.000	-	311.974.000	311.974.000	
	Đường giao thông nội đồng trục chính Văn Cẩm - Duyên Hải	660.615.000	64.700.000		64.700.000	-	64.700.000	64.700.000	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	2.199.329.000	777.268.000		777.268.000	-	777.268.000	777.268.000	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn, xã Văn Cẩm, đường từ ông Yên đi bà Hồi, bà Điều đi ông Thinh, ông Phê đến ông Lý và ông Phiên đến bà Điều	1.111.651.000	1.091.169.000		1.091.169.000	-	1.091.169.000	1.091.169.000	
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường từ bà Điều đến ông Chú và ông Tiêu đến ông Cường	758.789.000	744.979.000		744.979.000	-	744.979.000	744.979.000	
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường ông Liêu đến cô Noi, bà Lai đến ông Trắc, ông Miếu đến ông Lương	1.109.322.000	108.050.000		108.050.000	-	108.050.000	108.050.000	
	Đường giao thông, cống rãnh thoát nước, xây kè bờ ao; Hạng mục: Đường trục chính và đường vành đai	1.203.050.000	419.707.000		419.707.000	-	419.707.000	419.707.000	
	Đường giao thông trục thôn Truy Đình	2.456.680.000	577.709.000		577.709.000	-	577.709.000	577.709.000	
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Văn Cẩm; Hạng mục: Đường từ ông Chuyện đến sân bóng, từ ông Thỏa đến ông Thịnh, ông Hiếu đến ông Cân	1.103.470.000	1.083.005.000		1.083.005.000	-	1.083.005.000	1.083.005.000	
*	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	4.418.898.000	177.318.000		177.318.000	-	177.318.000	177.318.000	
	Đường nhánh cấp 1 thôn Truy Đình, từ ông Thuần đến ông Vui	79.780.000	58.182.000		58.182.000	-	58.182.000	58.182.000	
	Đường nhánh cấp 1 thôn, từ ông Nhiệm đi ông Kiều, Thôn Trần Xá	153.339.000	33.239.000		33.239.000	-	33.239.000	33.239.000	
	Xây dựng khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác xã Văn Cẩm: Hạng mục: Xây nhà xử lý rác và hạng mục: Lò đốt rác và nhà điều hành	1.476.630.000	692.899.713		692.899.713	-	692.899.713	692.899.713	
	Hội trường - Nhà văn hóa xã Văn Cẩm	4.228.910.000	895.482.810		895.482.810	-	895.482.810	895.482.810	
	Trường THCS Kỳ Đồng; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	3.444.000.000	1.205.193.000		1.205.193.000	-	1.205.193.000	1.205.193.000	
	Đường nội đồng từ mả san đi đồng cuốc - ông sử đi sông La	367.000.000	367.000.000		367.000.000	-	367.000.000	367.000.000	
	Xây dựng đường giao thông nội đồng xã Văn Cẩm	1.177.111.000	1.177.111.000		1.177.111.000	-	1.177.111.000	1.177.111.000	
*	Nâng cấp, cải tạo trụ sở HĐND - UBND xã.	668.325.000	52.051.000		52.051.000	-	52.051.000	52.051.000	
	Dịch chuyển trạm biến áp thôn Trần Xá- xã Văn Cẩm	171.334.836	14.356.000		14.356.000	-	14.356.000	14.356.000	
	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh UBND xã	300.785.000	300.785.000		300.785.000	-	300.785.000	300.785.000	
	Hạ tầng khu dân cư Thôn Ngọc Liễn (Cánh Nội)	6.084.032.000	4.197.891.000		4.197.891.000	-	4.197.891.000	4.197.891.000	
	Cải tạo, nâng cấp sân bê tông và rãnh thoát nước UBND xã	121.135.000	121.135.000		121.135.000	-	121.135.000	121.135.000	
	Tu sửa 2 phòng học trường Tiểu học và THCS Kỳ Đồng	123.515.000	123.515.000		123.515.000	-	123.515.000	123.515.000	
	Xây dựng đường điện cấp điện cho lò đốt rác thải sinh hoạt	340.602.000	340.602.000		340.602.000	-	340.602.000	340.602.000	

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án đầu tư tuyến đường ĐH.60 đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	589.396.000	0		589.396.000	-	589.396.000	-	589.396.000
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu đồng Cánh Nội, xã Văn Cẩm	752.822.000	0		752.822.000	-	752.822.000	-	752.822.000
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (Đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)	496.295.000	496.295.000		496.295.000	-	496.295.000	496.295.000	
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**1.904.648.000**	**713.799.000**	**0**	**713.799.000**	**0**	**713.799.000**	**713.799.000**	**0**
	Sân vận động xã Văn Cẩm	1.904.648.000	713.799.000		713.799.000	-	713.799.000	713.799.000	
3	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**37.861.165.000**	**41.952.000**	**37.000.000.000**	**5.861.165.000**	**5.000.000.000**	**861.165.000**	**0**	**861.165.000**
	Nạo vét Kênh Văn Cẩm	861.165.000	41.952.000		861.165.000	-	861.165.000		861.165.000
	Xây dựng trường Trung học, tiểu học Kỳ Đồng Văn Cẩm	37.000.000.000		37.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000			
III	**Xã Quang Trung cũ**	**216.193.338.000**	**22.378.221.000**	**56.661.202.000**	**52.396.414.000**	**8.046.200.000**	**44.350.214.000**	**25.839.714.000**	**18.510.500.000**
*	**Cụm Xã Điệp Nông cũ**	**20.751.000.000**	**937.010.000**	**110.000.000**	**5.041.010.000**	**3.955.000.000**	**1.086.010.000**	**1.086.010.000**	**0**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**19.578.000.000**	**916.010.000**	**0**	**3.868.010.000**	**2.892.000.000**	**976.010.000**	**976.010.000**	**0**
	Trường tiểu học xã Điệp Nông (HM 6 lớp học khu A; 4 lớp học khu B)	11.221.000.000	126.010.000		126.010.000	-	126.010.000	126.010.000	
	Nhà vệ sinh trường mầm non (2 khu) xã Điệp Nông huyện Hưng Hà	707.000.000	16.000.000		76.000.000	-	76.000.000	76.000.000	
	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	290.000.000	115.000.000		115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	
	Hạ tầng giao thông vùng sản xuất tập trung quy mô lớn xã Điệp Nông	4.510.000.000	659.000.000		701.000.000	42.000.000	659.000.000	659.000.000	
	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà dột nát	2.850.000.000	0	0	2.850.000.000	2.850.000.000	-	-	
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**1.173.000.000**	**21.000.000**	**110.000.000**	**1.173.000.000**	**1.063.000.000**	**110.000.000**	**110.000.000**	**0**
	Xây dựng giao thông nội đồng thôn Ngũ Đông	1.173.000.000	21.000.000	110.000.000	1.173.000.000	1.063.000.000	110.000.000	110.000.000	-
*	**Xã Hùng Dũng cũ**	**28.531.195.000**	**7.219.411.000**	**0**	**1.225.600.000**	**1.072.600.000**	**153.000.000**	**0**	**153.000.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**28.531.195.000**	**7.219.411.000**	**0**	**1.225.600.000**	**1.072.600.000**	**153.000.000**	**0**	**153.000.000**
	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	216.000.000	153.000.000		153.000.000	-	153.000.000		153.000.000
	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hùng Dũng	182.000.000			-	-	-	-	
	Xây dựng kênh cấp 2 thôn nhân phú	1.167.000.000	0		1.072.600.000	1.072.600.000	-	-	
	Công trình xây dựng cống Bản qua khu nghĩa trang nhân dân thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng	842.295.000			-	-	-		

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Công trình xây dựng cầu Hà Lý qua sông Việt Yên xã Hùng Dũng - PDQT T10/2024	13.159.000.000	491.411.000		-		-		
	Công trình cầu Nhân Phú từ ĐH.60 qua sông Việt Yên đi đường vành V xã Hùng Dũng	12.531.900.000	6.575.000.000		-		-		
	Phụ trợ UBND xã	433.000.000			-		-		
*	**Xã Dân Chủ cũ**	**115.849.641.000**	**14.221.800.000**	**5.489.700.000**	**41.729.804.000**	**618.600.000**	**41.111.204.000**	**22.753.704.000**	**18.357.500.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**96.234.741.000**	**11.225.400.000**	**331.000.000**	**27.181.904.000**	**618.600.000**	**26.563.304.000**	**22.663.304.000**	**3.900.000.000**
*	Đường GTNĐ trục chính tuyến từ cổng Tổng - Nghĩa trang thôn Bái - máng nghĩa trang	275.000.000	36.000.000		36.000.000	-	36.000.000	36.000.000	
	Trường mầm non trung tâm xã Dân Chủ (HM: Nhà học 2 tầng 10 phòng)	11.228.000.000	98.000.000		98.000.000	-	98.000.000	98.000.000	
	Đường phía đông sông 224 từ trạm bơm số 1 đến ngã tư Vang	4.237.000.000	292.000.000		292.000.000	-	292.000.000	292.000.000	
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến máng xây đồng Gỗ - cuối lỗ	472.000.000	138.000.000		138.000.000	-	138.000.000	138.000.000	
	Kênh cấp1 loại 3 tuyến máng xây Lá cờ - Trạm bơm ông Nhiên	783.000.000	71.000.000		71.000.000	-	71.000.000	71.000.000	
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến Trạm bơm - ông Hiếm - ba Nổ	638.000.000	199.000.000		199.000.000	-	199.000.000	199.000.000	
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm Đồng Bông - bãi rác Đồng Bông	407.000.000	103.000.000		103.000.000	-	103.000.000	103.000.000	
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm - ngã tư vang	741.000.000	156.000.000		156.000.000	-	156.000.000	156.000.000	
	Xây dựng GTTL nội đồng	1.421.000.000	191.000.000		191.000.000	-	191.000.000	191.000.000	
*	Đường GTNT tuyến Ông Thu - Ông Lập	245.000.000	10.000.000		10.000.000	-	10.000.000	10.000.000	
	Đường GTNT tuyến Ông Kết - bãi rác	245.000.000	91.000.000		91.000.000	-	91.000.000	91.000.000	
	Đường bê tông GT nội đồng tuyến nghĩa trang Đan Hội - TB ông Nhiên	548.000.000	88.000.000		88.000.000	-	88.000.000	88.000.000	
	Đường GT nội đồng tuyến ông Trường - cây Chanh	317.000.000	34.000.000		34.000.000	-	34.000.000	34.000.000	
	Đường GTNĐ tuyến Trạm bơm - bãi rác đồng Bông	265.000.000	191.000.000		191.000.000	-	191.000.000	191.000.000	
	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM: san lấp trũng, hệ thống rãnh thoát nước)	1.110.000.000	24.000.000		24.000.000	-	24.000.000	24.000.000	
	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM:Cổng và hàng rào bao quanh sân thể thao)	846.000.000	19.000.000		19.000.000	-	19.000.000	19.000.000	
	Nhà văn hóa xã Dân Chủ	5.190.000.000	81.000.000		81.000.000	-	81.000.000	81.000.000	
	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: nhà quản lý, cầu vào bãi rác, tường rào)	905.000.000	64.000.000		64.000.000	-	64.000.000	64.000.000	
	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: san nền, đường, sân, rãnh thoát nước, nhà phân loại rác, tường rào) + Lò đốt rác thải sinh hoạt	1.608.000.000	33.000.000		33.000.000	-	33.000.000	33.000.000	
	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Hội	420.000.000	26.000.000		26.000.000	-	26.000.000	26.000.000	

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Xây dựng trường Tiểu học, THCS	11.317.000.000	125.400.000		4.137.000.000	-	4.137.000.000	4.137.000.000	
	Trường TH&THCS Dân Chủ, HM nhà hiệu bộ	5.378.000.000	344.600.000		2.378.000.000	-	2.378.000.000	2.378.000.000	
	XD nhà hiệu bộ trường mầm non TT xã	10.440.741.000	167.000.000		2.638.704.000	-	2.638.704.000	2.638.704.000	
	XD trụ sở hành chính xã Dân Chủ	14.861.000.000	6.106.400.000		7.943.600.000	618.600.000	7.325.000.000	7.325.000.000	
	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung xã Dân Chủ	4.231.000.000	182.000.000	331.000.000	4.231.000.000	-	4.231.000.000	331.000.000	3.900.000.000
	Công trình Cải tạo nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Dân Chủ huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	3.425.000.000	171.000.000		1.724.600.000	-	1.724.600.000	1.724.600.000	
*	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Hà Tiến	3.465.000.000	2.067.000.000		2.067.000.000	-	2.067.000.000	2.067.000.000	
	Xây dựng hạ tầng KDC trung tâm xã	8.141.000.000	47.000.000		47.000.000	-	47.000.000	47.000.000	
	Hạ tầng kỹ thuật KDC trung tâm xã (HM: dịch chuyển đường điện)	1.249.000.000	11.000.000		11.000.000	-	11.000.000	11.000.000	
	GPMB xây dựng hạ tầng KDC trung tâm	840.000.000	16.000.000		16.000.000	-	16.000.000	16.000.000	
	Trụ sở UBND xã Dân Chủ (HM: sân bê tông , cổng và hàng rào bao quanh ủy ban)	651.000.000	22.000.000		22.000.000	-	22.000.000	22.000.000	
	Xây dựng hạ tầng KDC thôn Đình (khu 2)	205.000.000	12.000.000		12.000.000	-	12.000.000	12.000.000	
	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	130.000.000	9.000.000		9.000.000	-	9.000.000	9.000.000	
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**4.668.900.000**	**90.400.000**	**0**	**4.428.800.000**	**0**	**4.428.800.000**	**90.400.000**	**4.338.400.000**
	Đường giao thông đường đá - cống đông	200.500.000	81.400.000		81.400.000		81.400.000	81.400.000	
	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	130.000.000	9.000.000		9.000.000		9.000.000	9.000.000	
	GPMB dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ĐT 452 qua xã Dân Chủ	3.362.000.000	0	0	3.362.000.000	-	3.362.000.000	-	3.362.000.000
	GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường DH 60 đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân chủ	976.400.000	0		976.400.000	-	976.400.000	-	976.400.000
3	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**14.946.000.000**	**2.906.000.000**	**5.158.700.000**	**10.119.100.000**	**0**	**10.119.100.000**	**0**	**10.119.100.000**
	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã từ ĐT.452 đến dốc ông Bây	14.946.000.000	2.906.000.000	5.158.700.000	10.119.100.000	-	10.119.100.000		10.119.100.000
*	**Xã Quang Trung cũ**	**51.061.502.000**	**0**	**51.061.502.000**	**4.400.000.000**	**2.400.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**0**
1	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**51.061.502.000**	**0**	**51.061.502.000**	**4.400.000.000**	**2.400.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**0**
	Công trình: Nâng cấp cải tạo tuyến đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.452 đi đê Hữu Lộc xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà (Đoạn từ xã Dân Chủ đến đường ĐH. 60)	48.498.285.000		48.498.285.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
	Công trình: Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	2.563.217.000		2.563.217.000	2.400.000.000	2.400.000.000	-		

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Nợ xây dựng cơ bản đến 30/6/2025	Nhu cầu vốn các dự án đang triển khai thực hiện và khởi công mới năm 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh sát nhập 3 xã				
					Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
							Tổng số	Trong đó:	
								Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
IV	**Xã Diên Hà**	**1.962.289.000**	**0**	**1.962.289.000**	**1.962.289.000**	**-**	**1.962.289.000**	**0**	**1.962.289.000**
1	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**1.962.289.000**	**0**	**1.962.289.000**	**1.962.289.000**	**0**	**1.962.289.000**	**0**	**1.962.289.000**
	Công trình: Cải tạo trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Diên Hà	1.100.000.000	0	1.100.000.000	1.100.000.000	-	1.100.000.000		1.100.000.000
	Công trình: Sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường vào khu xử lý rác thải Hùng Dũng xã Diên Hà	512.289.000		512.289.000	512.289.000	-	512.289.000		512.289.000
	Công trình: Cải tạo trụ sở làm việc Công an xã Diên Hà	350.000.000		350.000.000	350.000.000	-	350.000.000		350.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DIÊN HÀ

Biểu số 01

BIỂU TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 26 BC-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Tổng cộng	**282.489.640.363**	**108.030.773.047**	**11.696.200.000**	**96.334.573.047**	**52.209.856.047**	**44.124.717.000**	**42.588.221.000**	**9.860.571.000**	**32.727.650.000**	**2.125.000.000**	**30.602.650.000**	**65.442.552.047**	**1.835.629.000**	**63.606.830.047**	**50.084.856.047**	**13.522.067.000**
I	**Xã Duyên Hải cũ**	**75.051.905.827**	**40.183.877.000**	**8.900.000.000**	**31.283.877.000**	**28.907.416.000**	**2.376.461.000**	**11.410.790.000**	**7.064.371.000**	**4.346.419.000**	**2.125.000.000**	**2.221.419.000**	**28.773.087.000**	**1.835.629.000**	**26.937.365.000**	**26.782.416.000**	**155.042.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**26.483.274.827**	**4.781.246.000**	**0**	**4.781.246.000**	**3.935.285.000**	**845.961.000**	**818.699.000**	**0**	**818.699.000**	**0**	**818.699.000**	**3.962.547.000**	**0**	**3.962.454.000**	**3.935.285.000**	**27.262.000**
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Văn Quan - Bùi Tiến; Hạng mục: Đường giao thông + rãnh thoát nước	818.566.000	14.803.000		14.803.000	14.803.000		-		-			14.803.000	-	14.803.000	14.803.000	-
2	Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Minh	2.695.000.000	27.938.000		27.938.000	27.938.000		-		-			27.938.000	-	27.938.000	27.938.000	-
3	Cải tạo hạ tầng khu trung tâm xã	2.458.938.000	31.338.000		31.338.000	31.338.000		-		-			31.338.000	-	31.338.000	31.338.000	-
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Bùi Minh (10 tấn)	638.603.000	9.739.000		9.739.000	9.739.000		-		-			9.739.000	-	9.739.000	9.739.000	-
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Khả Tân, Khả Tiến (mới)	2.569.033.000	399.110.000		399.110.000	399.110.000		-		-			399.110.000	-	399.110.000	399.110.000	-
6	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Tiến - Văn Quan	6.686.857.000	142.038.000		142.038.000	142.038.000		-		-			142.038.000	-	142.038.000	142.038.000	-
7	Giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư Văn Quan, Bùi Tiến	2.529.878.827	1.195.657.000		1.195.657.000	1.195.657.000		-		-			1.195.657.000	-	1.195.657.000	1.195.657.000	-
8	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư mới	3.444.000.000	476.526.000		476.526.000	476.526.000		-		-			476.526.000	-	476.526.000	476.526.000	-
9	Lập điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm xã	331.031.000	54.080.000		54.080.000	54.080.000		-		-			54.080.000	-	54.080.000	54.080.000	-
10	Xây dựng rãnh thoát nước và đường điện khu dân cư mới thôn Bùi Tiến - Văn Quan, xã Duyên Hải	1.208.314.000	179.258.000		179.258.000	179.258.000		-		-			179.258.000	-	179.258.000	179.258.000	-
11	Đền bù giải phóng mặt bằng để quy hoạch khu dân cư Bùi Minh	40.000.000	40.000.000		40.000.000	40.000.000		-		-			40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-
12	Xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở xã Duyên Hải.	716.000.000	183.023.000		183.023.000	117.629.000	65.394.000	65.394.000		65.394.000		65.394.000	117.629.000	-	117.629.000	117.629.000	-
13	Đường GTNT trục thôn xã Duyên Hải. Hạng mục: Đường Từ Giáp Ông Cương Thôn Bùi Việt Đến ĐH60; Bổ Sung Rãnh Thoát Nước Cụm Làng Khả	257.593.000	257.593.000		257.593.000		257.593.000	257.500.000		257.500.000		257.500.000	93.000	-	-	-	93.000
14	Nhà Văn hóa thôn Bùi Việt	881.500.000	881.000.000		881.000.000	778.349.000	102.651.000	102.651.000		102.651.000		102.651.000	778.349.000	-	778.349.000	778.349.000	-
15	Các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc UBND xã Duyên Hải (Sân bê tông, nền lán xe)	179.000.000	164.500.000		164.500.000		164.500.000	164.500.000		164.500.000		164.500.000	-	-	-	-	-
16	Lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Duyên Hải huyện Hưng Hà	302.261.000	255.823.000		255.823.000		255.823.000	228.654.000		228.654.000		228.654.000	27.169.000	-	27.169.000	-	27.169.000
17	Hạ tầng đồng ruộng phát triển sản xuất cánh đồng lớn; Hạng mục: Đường giao thông nội đồng từ đường trục thôn Văn Quan đến địa phận xã Văn Cẩm	445.700.000	187.820.000		187.820.000	187.820.000		-		-			187.820.000	-	187.820.000	187.820.000	-

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
18	Công trình Hỗ trợ bê tông hóa ngõ xóm, hộ gia đình, gia đình và làm mảng thoát nước phục vụ chỉnh trang khu dân cư thôn Khả Tiến	281.000.000	281.000.000		281.000.000	281.000.000		-		-			281.000.000	-	281.000.000	281.000.000	-
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**14.999.000.000**	**4.132.000.000**	**0**	**4.132.000.000**	**3.600.500.000**	**531.500.000**	**531.500.000**	**0**	**531.500.000**	**0**	**531.500.000**	**3.600.500.000**	**0**	**3.600.500.000**	**3.600.500.000**	**0**
	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND -UBND xã	14.999.000.000	4.132.000.000		4.132.000.000	3.600.500.000	531.500.000	531.500.000		531.500.000		531.500.000	3.600.500.000	-	3.600.500.000	3.600.500.000	-
3	**Dự án đang triển khai thực hiện**	**33.569.631.000**	**31.270.631.000**	**8.900.000.000**	**22.370.631.000**	**21.371.631.000**	**999.000.000**	**10.060.591.000**	**7.064.371.000**	**2.996.220.000**	**2.125.000.000**	**871.220.000**	**21.210.040.000**	**1.835.629.000**	**19.374.411.000**	**19.246.631.000**	**127.780.000**
	Đền bù giải phóng mặt bằng khu trung tâm xã Duyên Hải	1.100.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000	1.100.000.000		-		-			1.100.000.000	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-
	Tường bao, cổng dậu khu trung tâm xã	10.500.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		3.616.857.000	3.616.857.000	-			6.383.143.000	1.383.143.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-
	Hạ tầng điểm dân cư thôn Khả Tiến xã Duyên Hải	14.999.000.000	14.500.000.000		14.500.000.000	14.500.000.000		2.125.000.000		2.125.000.000	2.125.000.000		12.375.000.000	-	12.375.000.000	12.375.000.000	-
	Công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã, trung tâm hành chính công xã Đôn Hà	999.000.000	999.000.000		999.000.000		999.000.000	871.220.000		871.220.000		871.220.000	127.780.000	-	127.780.000	-	127.780.000
	hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	-			1.350.000.000	1.350.000.000	-			-	-	-	-	-
	Công trình xây dựng hạ tầng sản xuất tập trung xã Duyên Hải	4.621.631.000	3.321.631.000	2.550.000.000	771.631.000	771.631.000		2.097.514.000	2.097.514.000				1.224.117.000	452.486.000	771.631.000	771.631.000	-
II	**Xã Văn Cẩm cũ**	**42.305.698.536**	**18.580.823.047**	**0**	**18.580.823.047**	**16.377.440.047**	**2.203.383.000**	**2.161.431.000**	**0**	**2.161.431.000**	**0**	**2.161.431.000**	**16.419.392.047**	**0**	**16.419.392.047**	**16.377.440.047**	**41.952.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**39.539.885.536**	**17.005.859.047**	**0**	**17.005.859.047**	**15.663.641.047**	**1.342.218.000**	**1.342.218.000**	**0**	**1.342.218.000**	**0**	**1.342.218.000**	**15.663.641.047**	**0**	**15.663.641.047**	**15.663.641.047**	**0**
*	Đường trục thôn Ngọc Liễn từ đập điều tiết đi bờ sông Đông Hưng	372.782.700	14.740.524		14.740.524	14.740.524		-		-			14.740.524		14.740.524	14.740.524	-
	Đường nhánh cấp 1, từ Miếu đi ông Tới thôn Ngọc Liễn	65.177.000	50.048.000		50.048.000	50.048.000		-		-			50.048.000		50.048.000	50.048.000	-
	Đường giao thông trục chính thôn Truy Đinh; Hạng mục: Rãnh thoát nước	518.362.000	111.668.000		111.668.000	111.668.000		-		-			111.668.000		111.668.000	111.668.000	-
	Rãnh thoát nước đường giao thông trục thôn Gia Lạp	920.568.000	55.568.000		55.568.000	55.568.000		-		-			55.568.000		55.568.000	55.568.000	-
	Giao thông nội đồng xã Văn Cẩm	2.066.180.000	311.974.000		311.974.000	311.974.000		-		-			311.974.000		311.974.000	311.974.000	-
	Đường giao thông nội đồng trục chính Văn Cẩm - Duyên Hải	660.615.000	64.700.000		64.700.000	64.700.000		-		-			64.700.000	-	64.700.000	64.700.000	-
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	2.199.329.000	777.268.000		777.268.000	777.268.000		-		-			777.268.000	-	777.268.000	777.268.000	-
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn, xã Văn Cẩm, đường từ ông Yên đi bà Hồi, bà Điều đi ông Thinh, ông Phê đến ông Lý và ông Phiên đến bà Điều	1.111.651.000	1.091.169.000		1.091.169.000	1.091.169.000		-		-			1.091.169.000	-	1.091.169.000	1.091.169.000	-

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Vân Cấm; Hạng mục: Đường từ bà Điều đến ông Chú và ông Tiêu đến ông Cường	758.789.000	744.979.000		744.979.000	744.979.000		-		-			744.979.000	-	744.979.000	744.979.000	-
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Vân Cấm; Hạng mục: Đường ông Liệu đến cô Noi, bà Lai đến ông Trắc, ông Miếu đến ông Lương	1.109.322.000	108.050.000		108.050.000	108.050.000		-		-			108.050.000	-	108.050.000	108.050.000	-
	Đường giao thông, cống rãnh thoát nước, xây kè bờ ao; Hạng mục: Đường trục chính và đường vành đai	1.203.050.000	419.707.000		419.707.000	419.707.000		-		-			419.707.000	-	419.707.000	419.707.000	-
	Đường giao thông trục thôn Truy Đình	2.456.680.000	577.709.000		577.709.000	577.709.000		-		-			577.709.000	-	577.709.000	577.709.000	-
	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Liễn xã Vân Cấm; Hạng mục: Đường từ ông Chuyện đến sân bóng, từ ông Thòa đến ông Thịnh, ông Hiếu đến ông Cân	1.103.470.000	1.083.005.000		1.083.005.000	1.083.005.000		-		-			1.083.005.000	-	1.083.005.000	1.083.005.000	-
*	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Mỹ Đình	4.418.898.000	177.318.000		177.318.000	177.318.000		-		-			177.318.000	-	177.318.000	177.318.000	-
	Đường nhánh cấp 1 thôn Truy Đình, từ ông Thuần đến ông Vui	79.780.000	58.182.000		58.182.000	58.182.000		-		-			58.182.000	-	58.182.000	58.182.000	-
	Đường nhánh cấp 1 thôn, từ ông Nhiệm đi ông Kiều, Thôn Trần Xá	153.339.000	33.239.000		33.239.000	33.239.000		-		-			33.239.000	-	33.239.000	33.239.000	-
	Xây dựng khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác xã Vân Cấm: Hạng mục: Xây nhà xử lý rác và hạng mục: Lò đốt rác và nhà điều hành	1.476.630.000	692.899.713		692.899.713	692.899.713		-		-			692.899.713	-	692.899.713	692.899.713	-
	Hội trường - Nhà văn hóa xã Vân Cấm	4.228.910.000	895.482.810		895.482.810	895.482.810		-		-			895.482.810	-	895.482.810	895.482.810	-
	Trường THCS Kỳ Đồng; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	3.444.000.000	1.205.193.000		1.205.193.000	1.205.193.000		-		-			1.205.193.000	-	1.205.193.000	1.205.193.000	-
	Đường nội đồng từ mả san đi đồng cuốc - ông sử đi sông La	367.000.000	367.000.000		367.000.000	367.000.000		-		-			367.000.000	-	367.000.000	367.000.000	-
	Xây dựng đường giao thông nội đồng xã Vân Cấm	1.177.111.000	1.177.111.000		1.177.111.000	1.177.111.000		-		-			1.177.111.000	-	1.177.111.000	1.177.111.000	-
*	Nâng cấp, cải tạo trụ sở HĐND - UBND xã	668.325.000	52.051.000		52.051.000	52.051.000		-		-			52.051.000	-	52.051.000	52.051.000	-
	Dịch chuyển trạm biến áp thôn Trần Xá- xã Vân Cấm	171.334.836	14.356.000		14.356.000	14.356.000		-		-			14.356.000	-	14.356.000	14.356.000	-
	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh UBND xã	300.785.000	300.785.000		300.785.000	300.785.000		-		-			300.785.000	-	300.785.000	300.785.000	-
	Hạ tầng khu dân cư Thôn Ngọc Liễn (Cánh Nội)	6.084.032.000	4.197.891.000		4.197.891.000	4.197.891.000		-		-			4.197.891.000	-	4.197.891.000	4.197.891.000	-
	Cải tạo, nâng cấp sân bê tông và rãnh thoát nước UBND xã	121.135.000	121.135.000		121.135.000	121.135.000		-		-			121.135.000	-	121.135.000	121.135.000	-
	Tu sửa 2 phòng học trường Tiểu học và THCS Kỳ Đồng	123.515.000	123.515.000		123.515.000	123.515.000		-		-			123.515.000	-	123.515.000	123.515.000	-
	Xây dựng đường điện cấp điện cho lò đốt rác thải sinh hoạt	340.602.000	340.602.000		340.602.000	340.602.000		-		-			340.602.000	-	340.602.000	340.602.000	-
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án đầu tư tuyến đường ĐH.60 đoạn từ xã Vân Cấm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	589.396.000	589.396.000		589.396.000		589.396.000	589.396.000		589.396.000		589.396.000	-	-		-	-
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu đồng Cánh Nội, xã Vân Cấm	752.822.000	752.822.000		752.822.000		752.822.000	752.822.000		752.822.000		752.822.000	-	-		-	-
	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (Đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)	496.295.000	496.295.000		496.295.000	496.295.000		-		-			496.295.000	-	496.295.000	496.295.000	-

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**1.904.648.000**	**713.799.000**	**0**	**713.799.000**	**713.799.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**713.799.000**	**0**	**713.799.000**	**713.799.000**	**0**
	Sân vận động xã Văn Cẩm	1.904.648.000	713.799.000		713.799.000	713.799.000		-		-			713.799.000	-	713.799.000	713.799.000	-
3	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**861.165.000**	**861.165.000**	**0**	**861.165.000**	**0**	**861.165.000**	**819.213.000**	**0**	**819.213.000**	**0**	**819.213.000**	**41.952.000**	**0**	**41.952.000**	**0**	**41.952.000**
	Nạo vét Kênh Văn Cẩm	861.165.000	861.165.000		861.165.000		861.165.000	819.213.000		819.213.000		819.213.000	41.952.000	-	41.952.000	-	41.952.000
III	**Xã Quang Trung cũ**	**165.132.036.000**	**49.266.073.000**	**2.796.200.000**	**46.469.873.000**	**6.925.000.000**	**39.544.873.000**	**29.016.000.000**	**2.796.200.000**	**26.219.800.000**	**0**	**26.219.800.000**	**20.250.073.000**	**0**	**20.250.073.000**	**6.925.000.000**	**13.325.073.000**
*	**Cụm Xã Điệp Nông cũ**	**20.751.000.000**	**4.931.010.000**	**1.105.000.000**	**3.826.010.000**	**0**	**3.826.010.000**	**4.015.000.000**	**1.105.000.000**	**2.910.000.000**	**0**	**2.910.000.000**	**916.010.000**	**0**	**916.010.000**	**0**	**916.010.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**16.728.000.000**	**1.018.010.000**	**42.000.000**	**976.010.000**	**0**	**976.010.000**	**102.000.000**	**42.000.000**	**60.000.000**	**0**	**60.000.000**	**916.010.000**	**0**	**916.010.000**	**0**	**916.010.000**
	Trường tiểu học xã Điệp Nông (HM 6 lớp học khu A; 4 lớp học khu B)	11.221.000.000	126.010.000		126.010.000		126.010.000	-		-			126.010.000	-	126.010.000	-	126.010.000
	Nhà vệ sinh trường mầm non (2 khu) xã Điệp Nông huyện Hưng Hà	707.000.000	76.000.000		76.000.000		76.000.000	60.000.000		60.000.000		60.000.000	16.000.000	-	16.000.000	-	16.000.000
	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	290.000.000	115.000.000		115.000.000		115.000.000	-		-			115.000.000	-	115.000.000	-	115.000.000
	Hạ tầng giao thông vùng sản xuất tập trung quy mô lớn xã Điệp Nông	4.510.000.000	701.000.000	42.000.000	659.000.000		659.000.000	42.000.000	42.000.000	-			659.000.000	-	659.000.000	-	659.000.000
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**4.023.000.000**	**3.913.000.000**	**1.063.000.000**	**2.850.000.000**	**0**	**2.850.000.000**	**3.913.000.000**	**1.063.000.000**	**2.850.000.000**	**0**	**2.850.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Xây dựng giao thông nội đồng thôn Ngũ Đông	1.173.000.000	1.063.000.000	1.063.000.000	-		-	1.063.000.000	1.063.000.000	-		-	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà dột nát	2.850.000.000	2.850.000.000		2.850.000.000		2.850.000.000	2.850.000.000		2.850.000.000		2.850.000.000	-	-	-	-	-
*	**Xã Hùng Dũng cũ**	**28.531.195.000**	**4.042.159.000**	**1.072.600.000**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**	**1.072.600.000**	**1.072.600.000**	**0**	**0**	**0**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**28.531.195.000**	**4.042.159.000**	**1.072.600.000**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**	**1.072.600.000**	**1.072.600.000**	**0**	**0**	**0**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**	**0**	**2.969.559.000**
	Hệ thống đèn điện Thắp sáng đường quê trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	216.000.000	153.000.000		153.000.000		153.000.000	-		-			153.000.000	-	153.000.000	-	153.000.000
	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hùng Dũng	182.000.000	-		-		-	-		-			-	-	-	-	
	Xây dựng kênh cấp 2 thôn nhân phú	1.167.000.000	1.072.600.000	1.072.600.000	-			1.072.600.000	1.072.600.000	-			-	-	-	-	-
	Công trình xây dựng cống Bản qua khu nghĩa trang nhân dân thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng	842.295.000	45.548.000		45.548.000		45.548.000						45.548.000	-	45.548.000	-	45.548.000
	Công trình xây dựng cầu Hà Lý qua sông Việt Yên xã Hùng Dũng - PDQT T10/2024	13.159.000.000	491.411.000		491.411.000		491.411.000	-		-			491.411.000	-	491.411.000	-	491.411.000
	Công trình cầu Nhân Phú từ ĐH.60 qua sông Việt Yên đi đường vành V xã Hùng Dũng	12.531.900.000	2.199.600.000		2.199.600.000		2.199.600.000	-		-			2.199.600.000	-	2.199.600.000	-	2.199.600.000
	Phụ trợ UBND xã	433.000.000	80.000.000		80.000.000		80.000.000	-		-			80.000.000	-	80.000.000	-	80.000.000
*	**Xã Dân Chủ cũ**	**115.849.841.000**	**40.292.904.000**	**618.600.000**	**39.674.304.000**	**6.925.000.000**	**32.749.304.000**	**23.928.400.000**	**618.600.000**	**23.309.800.000**	**0**	**23.309.800.000**	**16.364.504.000**	**0**	**16.364.504.000**	**6.925.000.000**	**9.439.504.000**

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**	**96.234.741.000**	**25.878.304.000**	**618.600.000**	**25.259.704.000**	**6.925.000.000**	**18.334.704.000**	**13.550.200.000**	**618.600.000**	**12.931.600.000**	**0**	**12.931.600.000**	**12.328.104.000**	**0**	**12.328.104.000**	**6.925.000.000**	**5.403.104.000**
*	Đường GTNĐ trục chính tuyến từ cổng Tông - Nghĩa trang thôn Bái - máng nghĩa trang	275.000.000	36.000.000		36.000.000		36.000.000	-		-			36.000.000	-	36.000.000	-	36.000.000
	Trường mầm non trung tâm xã Dân Chủ (HM: Nhà học 2 tầng 10 phòng)	11.228.000.000	98.000.000		98.000.000		98.000.000	-		-			98.000.000	-	98.000.000	-	98.000.000
	Đường phía đông sông 224 từ trạm bơm số 1 đến ngã tư Vang	4.237.000.000	292.000.000		292.000.000		292.000.000	-		-			292.000.000	-	292.000.000	-	292.000.000
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến máng xây đồng Gồ - cuối lỗ	472.000.000	138.000.000		138.000.000		138.000.000	-		-			138.000.000	-	138.000.000	-	138.000.000
	Kênh cấp1 loại 3 tuyến máng xây Lá cờ - Trạm bơm ông Nhiên	783.000.000	71.000.000		71.000.000		71.000.000	-		-			71.000.000	-	71.000.000	-	71.000.000
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến Trạm bơm - ông Hiếm - ba Nổ	638.000.000	199.000.000		199.000.000		199.000.000	-		-			199.000.000	-	199.000.000	-	199.000.000
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm Đồng Bông - bãi rác Đồng Bông	407.000.000	103.000.000		103.000.000		103.000.000	-		-			103.000.000	-	103.000.000	-	103.000.000
	Kênh cấp 1 loại 3 tuyến trạm bơm - ngã tư vang	741.000.000	156.000.000		156.000.000		156.000.000	-		-			156.000.000	-	156.000.000	-	156.000.000
	Xây dựng GTTL nội đồng	1.421.000.000	191.000.000		191.000.000		191.000.000	-		-			191.000.000	-	191.000.000	-	191.000.000
*	Đường GTNT tuyến Ông Thu - Ông Lập	245.000.000	10.000.000		10.000.000		10.000.000	-		-			10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000
	Đường GTNT tuyến Ông Kết - bãi rác	245.000.000	91.000.000		91.000.000		91.000.000	-		-			91.000.000	-	91.000.000	-	91.000.000
	Đường bê tông GT nội đồng tuyến nghĩa trang Đan Hội - TB ông Nhiên	548.000.000	88.000.000		88.000.000		88.000.000	-		-			88.000.000	-	88.000.000	-	88.000.000
	Đường GT nội đồng tuyến ông Trường - cây Chanh	317.000.000	34.000.000		34.000.000		34.000.000	-		-			34.000.000	-	34.000.000	-	34.000.000
	Đường GTNĐ tuyến Trạm bơm - bãi rác đồng Bông	265.000.000	191.000.000		191.000.000		191.000.000	-		-			191.000.000	-	191.000.000	-	191.000.000
	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM: san lấp trũng, hệ thống rãnh thoát nước)	1.110.000.000	24.000.000		24.000.000		24.000.000	-		-			24.000.000	-	24.000.000	-	24.000.000
	Sân thể thao xã Dân Chủ (HM:Cổng và hàng rào bao quanh sân thể thao)	846.000.000	19.000.000		19.000.000		19.000.000	-		-			19.000.000	-	19.000.000	-	19.000.000
	Nhà văn hóa xã Dân Chủ	5.190.000.000	81.000.000		81.000.000		81.000.000	-		-			81.000.000	-	81.000.000	-	81.000.000
	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: nhà quản lý, cầu vào bãi rác, tường rào)	905.000.000	64.000.000		64.000.000		64.000.000	-		-			64.000.000	-	64.000.000	-	64.000.000
	Khu xử lý rác thải gắn với lò đốt rác (HM: san nền, đường, sân, rãnh thoát nước, nhà phân loại rác, tường rào) + Lò đốt rác thải sinh hoạt	1.608.000.000	33.000.000		33.000.000		33.000.000	-		-			33.000.000	-	33.000.000	-	33.000.000
	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Hội	420.000.000	26.000.000		26.000.000		26.000.000	-		-		-	26.000.000	-	26.000.000	-	26.000.000
	Xây dựng trường Tiểu học, THCS	11.317.000.000	4.137.400.000		4.137.400.000		4.137.400.000	4.012.000.000		4.012.000.000		4.012.000.000	125.400.000	-	125.400.000	-	125.400.000
	Trường TH&THCS Dân Chủ, HM nhà hiệu bộ	5.378.000.000	2.378.000.000		2.378.000.000		2.378.000.000	1.680.000.000		1.680.000.000		1.680.000.000	698.000.000	-	698.000.000	-	698.000.000
	XD nhà hiệu bộ trường mầm non TT xã	10.440.741.000	2.638.704.000		2.638.704.000		2.638.704.000	2.359.000.000		2.359.000.000		2.359.000.000	279.704.000	-	279.704.000	-	279.704.000

STT	Tên danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đã phân bổ					Số vốn đã giải ngân 6 tháng đầu năm 2025					Kế hoạch vốn đầu tư công còn lại 6 tháng cuối năm 2025				
			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã			Tổng số	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Ngân sách xã		
					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
						Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác				Tiền đất	Nguồn ngân sách, nguồn khác
	XD trụ sở hành chính xã Dân Chủ	14.861.000.000	7.943.600.000	618.600.000	7.325.000.000	6.925.000.000	400.000.000	1.018.600.000	618.600.000	400.000.000		400.000.000	6.925.000.000	-	6.925.000.000	6.925.000.000	-
	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung xã Dân Chủ	4.231.000.000	3.900.000.000		3.900.000.000		3.900.000.000	3.900.000.000		3.900.000.000		3.900.000.000	-	-	-	-	-
	Công trình Cải tạo nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Dân Chủ huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	3.425.000.000	751.600.000		751.600.000		751.600.000	580.600.000		580.600.000		580.600.000	171.000.000	-	171.000.000	-	171.000.000
*	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Hà Tiến	3.465.000.000	2.067.000.000		2.067.000.000		2.067.000.000	-		-			2.067.000.000	-	2.067.000.000	-	2.067.000.000
	Xây dựng hạ tầng KDC trung tâm xã	8.141.000.000	47.000.000		47.000.000		47.000.000	-		-			47.000.000	-	47.000.000	-	47.000.000
	Hạ tầng kỹ thuật KDC trung tâm xã (HM: dịch chuyển đường điện)	1.249.000.000	11.000.000		11.000.000		11.000.000	-		-			11.000.000	-	11.000.000	-	11.000.000
	GPMB xây dựng hạ tầng KDC trung tâm	840.000.000	16.000.000		16.000.000		16.000.000	-		-			16.000.000	-	16.000.000	-	16.000.000
	Trụ sở UBND xã Dân Chủ (HM: sân bê tông , cổng và hàng rào bao quanh ủy ban)	651.000.000	22.000.000		22.000.000		22.000.000	-		-			22.000.000	-	22.000.000	-	22.000.000
	Xây dựng hạ tầng KDC thôn Đình (khu 2)	205.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000	-		-			12.000.000	-	12.000.000	-	12.000.000
	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	130.000.000	9.000.000		9.000.000		9.000.000	-		-			9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000
2	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**	**4.669.100.000**	**4.429.000.000**	**0**	**4.429.000.000**	**0**	**4.429.000.000**	**4.338.600.000**	**0**	**4.338.600.000**	**0**	**4.338.600.000**	**90.400.000**	**0**	**90.400.000**	**0**	**90.400.000**
	Đường giao thông đường đá - cống đông	200.500.000	81.400.000		81.400.000		81.400.000	-		-			81.400.000	-	81.400.000	-	81.400.000
	XD hạ tầng KDC thôn Trung Ngọc	130.000.000	9.000.000		9.000.000		9.000.000	-		-			9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000
	GPMB dự án cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ĐT 452 qua xã Dân Chủ	3.362.000.000	3.362.000.000		3.362.000.000		3.362.000.000	3.362.000.000		3.362.000.000		3.362.000.000	-	-	-	-	-
	GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường DH 60 đoạn từ xã Vân Cầm đi xã Dân chủ	976.600.000	976.600.000		976.600.000		976.600.000	976.600.000		976.600.000		976.600.000	-	-	-	-	-
3	**Dự án khởi công mới năm 2025**	**14.946.000.000**	**9.985.600.000**	**0**	**9.985.600.000**	**0**	**9.985.600.000**	**6.039.600.000**	**0**	**6.039.600.000**	**0**	**6.039.600.000**	**3.946.000.000**	**0**	**3.946.000.000**	**0**	**3.946.000.000**
	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã từ ĐT.452 đến dốc ông Bảy	14.946.000.000	9.985.600.000		9.985.600.000		9.985.600.000	6.039.600.000		6.039.600.000		6.039.600.000	3.946.000.000	-	3.946.000.000	-	3.946.000.000